

Bản án số: 181/2022/DS-PT

Ngày 28 – 3 – 2022

V/v Tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 186/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2022/QĐ-PT ngày 16/3/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Thái Văn K, chết ngày 17/6/2020;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

1.1. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1940, (vắng mặt);

1.2. Bà Thái Thị T, sinh năm 1965, (vắng mặt);

1.3. Ông Thái Thanh P, sinh năm 1975, (vắng mặt);

1.4. Ông Thái Văn G, sinh năm 1977, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà T, ông P và ông G (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2020): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

1.5. Bà Thái Thị D1, sinh năm 1965, *(vắng mặt)*;

1.6. Bà Thái Thị D2, sinh năm 1980, *(vắng mặt)*;

Bà X, bà D1 và bà D2 cùng địa chỉ: Ấp TL 1, xã A, huyện Đ, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D2 và bà D1 (theo Giấy ủy quyền ngày 29/7/2020): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

1.7. Ông Thái Văn L, sinh năm 1975, *(vắng mặt)*;

1.8. Ông Thái Văn H, sinh năm 1978, *(vắng mặt)*;

Ông L và ông H cùng địa chỉ: Khu vực TL 1, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L và ông H (theo các Giấy ủy quyền ngày 13/7/2020 và ngày 18/6/2020): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

1.9. Bà Thái Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu vực LT 1, phường TL, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H (theo Giấy ủy quyền ngày 29/7/2020): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

1.10. Bà Thái Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: 22GUJI-RO, 112 BEON-GIL, GIMHAE-SI, GYEONGSANG NAM-DO (DAESEONG-DONG), KOREA (Hàn Quốc), *(vắng mặt)*.

1.11. Bà Thái Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tầng 05, số 37, ngõ 14, đường Wufu, quận Wufu, Thành phố Tân Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc), *(vắng mặt)*.

2. Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà T1: Ông Trịnh Hữu B – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư LK, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Thái Văn S, chết ngày 16/4/2021;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

1.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu vực TL, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

1.2. Bà Thái Thị Bích L, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện Đ, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

1.3. Bà Thái Thị Hồng Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Đông Thới, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

1.4. Ông Thái Văn Ph, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu vực TL 1, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

1.5. Ông Thái Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu vực TL 1, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

1.6. Ông Thái Minh Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 2E, Đường số 24A, phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

1.7. Bà Thái Thị P1, sinh năm 1983; hiện đang sinh sống cư ngụ tại Đài Loan (Trung Quốc), *(vắng mặt)*.

1.8. Bà Thái Thị Cẩm L, sinh năm 1988, hiện đang sinh sống cư ngụ tại Đài Loan (Trung Quốc), *(vắng mặt)*.

2. Ông Thái Minh Th1, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt)*;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th1: Bà Đinh Ngọc L – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Ngọc L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ, *(có mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964, *(vắng mặt)*;

2. Bà Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1969, *(có mặt)*;

3. Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1970, *(vắng mặt)*;

4. Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1971, *(vắng mặt)*;

Cùng địa chỉ: Khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

Bà X, bà N, ông Nh và bà N ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Tấn K (theo các Giấy ủy quyền ngày 23/01/2015 và ngày 10/3/2015).

5. Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh năm 1966; địa chỉ: 1048, Chon Buc, Ui Chin Cun, Buc Men, Pucu 3 Ri, Korea, *(vắng mặt)*;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng (theo Giấy ủy quyền ngày 11/9/2020): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt)*.

6. Bà Nguyễn Thị Kim P2, chết ngày 22/7/2020;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P2:

6.1. Ông Nguyễn Nhứt P3, sinh năm 2003, (vắng mặt);

6.2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1953, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A12/12A, Ấp 1, xã TK, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và ông P3 (theo các Giấy ủy quyền ngày 04/6/2021 và ngày 21/6/2021): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981; địa chỉ: A12/12A, ấp 1, xã TK, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà N (theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2015): Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (vắng mặt).

8. Ông Thái Thanh T, sinh năm 1995, (vắng mặt);

9. Bà Thái Thị Anh T3, sinh năm 2001, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu vực TP, phường TH, quận TN, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, ông T (theo các Giấy ủy quyền ngày 22/6/2018): Bà Thái Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: 200 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, (có mặt).

10. Ông Thái Ngọc T5, sinh năm 1983, (có mặt);

11. Bà Thái Thị T6, sinh năm 1982, (vắng mặt);

Bà T6 ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho ông T5 (theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2020); cùng địa chỉ: Khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

12. Ông Thái Văn G, sinh năm 1977, (vắng mặt);

13. Bà Thái Thị Thanh T7, (vắng mặt);

14. Bà Thái Thị Thanh T8, (vắng mặt);

15. Bà Đỗ Thị Cẩm H2, sinh năm 1977, (có mặt).

16. Bà Thái Thị Kim H3, sinh năm 1998, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:*

+ Nguyên đơn bà Thái Thị T1;

+ Bị đơn ông Thái Minh Th1 và ông Thái Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Thái Văn K và bà Thái Thị T1 trình bày:

Cha của ông K và bà T1 (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) là cụ Thái Văn H5 (chết năm 1962) và mẹ là cụ Lê Thị M (chết năm 2003), khi cụ H5 và cụ M chết không để lại di chúc. Cụ H5 và cụ M có 05 người con là Thái Văn K, Thái Văn S, Thái Văn B1 (chết năm 2002), Thái Thị T1 và Thái Thị N3 (chết năm 2005).

Bà Thái Thị N3 có 07 người con gồm Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Kim P2, Nguyễn Thị Thu N. (Ông Nguyễn Văn Đủ là chồng bà N3 đã chết năm 2012).

Ông Thái Văn B1 có 05 người con gồm Thái Minh Th1, Thái Thị T6, Thái Ngọc T5, Thái Thanh T, Thái Thị Anh T3.

Khi mất, cha mẹ nguyên đơn có để lại khối tài sản gồm: Thửa đất số 176 tờ bản đồ số 07, diện tích 3014m² (đất 2L); thửa đất số 682, 683, 670 và 1315 tờ bản đồ số 05, diện tích 5.550m² (đất T + LNK + LNK + ĐM + ĐM). Một căn nhà nền bê tông, lát gạch bông, vách tường, mái ngói, cột thao lao, diện tích 130m² (6,5m x 20m), thuộc thửa 682. Nay ông K và bà T1 cùng yêu cầu tách riêng một cái ao cá (diện tích 8,8m x 32m tại thửa 682) và nền nhà (diện tích 11m x 24,5m tại thửa 683) mà cha mẹ đã cho riêng ông bà nhưng chưa tiến hành tách thửa. Phần tài sản còn lại của cha mẹ để lại, ông bà yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra, miếng vườn (diện tích 18m x 29m) tại thửa 683 đã được xây cất nhà mồ cho cha mẹ và ông Thái Văn B1, ông bà yêu cầu giữ nguyên, không phân chia. Và yêu cầu giữ nguyên căn nhà 130m² (6,5m x 20m) của cụ Lê Thị M hiện đang do ông Thái Minh Th1 quản lý, sử dụng làm phủ thờ không được phân chia và giao lại cho ông K làm người trông nom, nhang khói thờ phượng.

- Nguyên đơn bà Thái Thị T1 trình bày bổ sung:

Lúc còn sống, mẹ bà là cụ M có cho ông K 01 cái ao, năm 2011 ông K bơm cát hết 7,5 triệu đồng, phần tiền bơm cát này do ông K trả chứ không phải do ông Th1 trả. Năm 1978, cụ M có cho bà 01 nền nhà và bà đã bồi đắp ở đến nay, có những hộ lân cận chứng kiến. Vì vậy, bà không đồng ý bồi thường trả lại giá trị nhà cho ông Thái Văn S. Lúc còn sống, cụ M đã cho các con mỗi người một nền nhà, ông S đã có 1 nền nhà lớn. Riêng bà Thái Thị N3 chưa nhận phần đất nào.

Nay bà và ông K yêu cầu tách riêng nền nhà mẹ bà đã cho bà năm 1978 thuộc thửa 683 diện tích ngang 11m x dài 24,5m. Phần nền mộ bà đang quản lý không yêu cầu chia tách thuộc thửa 683. Cái ao của ông Thái Văn K đã bơm cát sát nhà Thái Văn G vẫn ổn định, ao đã cho ông K hiện đang do Thái Văn G đang quản lý, việc tách thửa do hai bên thỏa thuận. Và cái ao dính với nhà mồ không yêu cầu chia, bà xin quản lý phần ao này. Phần nhà thờ ông Th1 ở từ năm 1984 đến năm 1988 cụ M và bà T bỏ tiền ra xây nhà thờ này, khi cụ M mất thì ông Th1 (cháu nội cụ M) tiếp tục quản lý nhà thờ nên đề nghị giao nhà thờ này lại

cho ông K quản lý làm phủ thờ. Phần nhà thờ diện tích chiều ngang khoảng 8m, dài 24m tại thửa 682. Phần diện tích đất còn lại là phần đất phía sau và phần đất ruộng yêu cầu chia di sản thừa kế.

Bà và ông K thống nhất theo kết quả đo đạc thực tế của Hội đồng đo đạc quận TN đối với thửa 1315. Bà T1 đồng ý nhận hết phần đất tại thửa 1315 diện tích 3.300m² đồng ý thôi tiền lại cho những người thừa kế khác.

- Bị đơn ông Thái Văn S trình bày:

Trước đây, cụ Lê Thị M có cho ông 01 nền nhà trên thửa 682, ông đã bồi đắp và sử dụng, đến năm 1981 ông nhượng lại cho em gái là bà T1 sử dụng, bà T1 hứa sẽ trả công bồi đắp cho ông nhưng không thực hiện. Đồng thời, cụ M cho ông K 01 nền nhà và cho ông K mượn cái ao sau nhà để nuôi cá, cho bà T1 một bờ có phần mộ của ông bà để trồng cây ăn trái. Sau này, ông K tự ý tách thửa 681 sang cho mình và tiếp tục tách lại cho 02 đứa con là Thái Văn G và Thái Thanh P trong đó có thửa 668 mà không thông qua anh chị em cùng hàng thừa kế, việc tách thửa lại lấn hết ra phía sau trong đó có diện tích cây ăn trái của ông Thái Văn B1 và bà Thái Thị T1, phần thửa 668 lấn qua thửa 1315 diện tích 430m².

Về yêu cầu phân chia di sản của ông K và bà T1, ông không đồng ý vì cha mẹ đã chia đều đất cho các anh chị em, riêng phần bà N3 có chia nhưng bà N3 không nhận. Hiện còn lại các thửa 176, 682, 683, 670, 1315 mẹ ông đã chừa lại cho riêng ông Thái Văn B1.

Nay ông yêu cầu:

Đối với phần đất nhà mồ mà bà T1 yêu cầu giữ lại nhà mồ không yêu cầu chia di sản thừa kế, ông không đồng ý để bà T1 quản lý mà để các anh em cùng quản lý. Phần đất xung quanh khu vực mộ thống nhất để làm phần đất mộ diện tích 790m² tại thửa để các anh em cùng đứng tên. Việc giao quản lý do bà T1 quản lý. Đối với nền tại thửa 683 diện tích 305,3m² mà bà T1 đang ở ông đồng ý tách nền nhà cho bà T1 nhưng phải tính vào di sản thừa kế để chia, bà T1 phải trả lại công bồi lấp, xây dựng ông sẽ bổ sung số tiền yêu cầu bà T1 sau cho Tòa án. Đối với phần đất ao ông G và ông K quản lý yêu cầu chia di sản thừa kế. Đối với phần nhà thờ ông Th1 đang quản lý ông đề nghị giao cho ông Th1 tiếp tục quản lý sử dụng. Ông thống nhất giữ nguyên hiện trạng 3 nền nhà đang ổn định mà ông K, bà T1 và ông Th1 đang ở. Ông không lấy phần đất nào để ở, ông chỉ xin nhận giá trị phần di sản thừa kế. Phần hưởng của ông giao lại cho ông Th1. Phần cây trên đất ông G đang sử dụng do cụ M trồng thì yêu cầu chia thừa kế.

Về phần tiền bơm cát: Lúc ban đầu ông yêu cầu ông K bơm cát. Sau đó ông K tiến hành bơm cát, ông Th1 trả 3 triệu đồng và ông Nguyễn Văn Soi (chồng bà T1) trả 3 triệu đồng và bà Thái Thị T trả 1,5 triệu đồng tiền bơm cát. Tổng cộng 7,5 triệu đồng nhưng sau đó ông K không đồng ý cho nên ông K đã trả tiền lại cho ông Th1, ông Soi và bà T. Do nội bộ gia đình có nhiều vấn đề nên phát sinh tranh chấp.

- *Bị đơn ông Thái Minh Th1 trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Thái Văn S. Riêng phần di sản của cha ông là ông Thái Văn B1, ông yêu cầu chỉ chia cho ông, ông T5 và bà T6 vì ông T, bà Anh T3 đã được cha ông cho riêng một phần nền đất. Ông yêu cầu chia di sản phần nền nhà bà T1 đang ở tính ra giá trị để chia.

Theo giấy tờ thì đất ruộng 5.500m² nhưng đo đạc thực tế có 3.352m². Ông yêu cầu đo đạc lại phần đất lúa tại thửa 1315 do thửa đất này Hội đồng đo đạc quận TN đo thiếu. Ông xin tiếp tục ở trên phần nhà ông đang ở, đồng ý thối tiền lại cho các đồng thừa kế khác. Phần đất tại thửa 1315, ông đồng ý đem ra chia thừa kế. Nhận giá trị phần đất tại thửa 1315.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Nguyễn Thị Kim P2 cùng trình bày:* Ông bà thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Thái Văn K và bà Thái Thị T1. Từ trước đến nay, cụ H5 và cụ M chưa chia tài sản nào cho mẹ ông bà là bà Thái Thị N3. Ông bà cùng yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại cho mẹ ông bà là bà Thái Thị N3 để chia cho các anh em ông bà. Ông bà không yêu cầu nhận đất, chỉ nhận giá trị phần di sản thừa kế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn G trình bày:* Đất tại thửa 681 và 668 bà ông là ông K đã được cụ M cho năm 1990 và đã cho lại ông và đứng tên sử dụng. Phần đất này ông đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phòng giao dịch TN để vay 30 triệu đồng năm 2014. Hiện nay đã thanh toán trả nợ cho ngân hàng xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DSST ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn K và bà Thái Thị T1 về việc chia thừa kế của cụ Thái Văn H5 và cụ Lê Thị M.

Tài sản chia thừa kế của cụ Thái Văn H5 và cụ Lê Thị M được chia 5 kỷ phần; cụ thể phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị gồm ông Thái Văn K; ông Thái Văn S; bà Thái Thị T1; các con của bà N3 (7 người gồm: Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Kim P2 và Nguyễn Thị Thu N); các con của ông Thái Văn B1 (5 người gồm Thái Thị T6, Thái Minh Th1, Thái Ngọc T5, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T3).

Tài sản chia thừa kế của cụ Thái Văn H5 và cụ Lê Thị M được chia 5 kỷ phần, cụ thể mỗi phần là 244.502.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai ngàn đồng).

Theo đó, ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

+ Ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn K số tiền: 186.322.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng).

+ Ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn S số tiền: 186.322.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng).

+ Ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm trả cho bà Thái Thị T1 số tiền: 185.250.500đ (một trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi ngàn, năm trăm đồng).

+ Ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm trả cho Thái Thị T6, Thái Ngọc T5, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T3 mỗi người số tiền: 47.203.000đ (bốn mươi bảy triệu, hai trăm lẻ ba ngàn đồng).

+ Ông Thái Minh Th1 có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Kim P2 và Nguyễn Thị Thu N mỗi người số tiền: 26.616.000đ (hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Bà Thái Thị T1 có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị mà các người thừa kế được hưởng, cụ thể gồm:

+ Bà Thái Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn K số tiền: 58.180.000đ (năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Bà Thái Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn S số tiền: 58.180.000đ (năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Bà Thái Thị T1 có trách nhiệm trả cho Thái Thị T6, Thái Minh Th1, Thái Ngọc T5, Thái Thanh T và Thái Thị Anh T3 mỗi người số tiền là 1.696.000đ (một triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

+ Bà Thái Thị T1 có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thị Ý N, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Kim P2 và Nguyễn Thị Thu N, mỗi người số tiền là: 8.311.000đ (tám triệu, ba trăm mười một ngàn đồng).

Ông Thái Minh Th1 được quyền quản lý, sở hữu đối với thửa đất 176 có diện tích 3.276,2m² đất LUA; thửa đất 1315 có diện tích 3.315,6m² và thửa đất 670 có diện tích 218,7m² tại Khu vực Long Thạnh 2, phường TN, quận TN, Thành phố Cần Thơ (nay là khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ).

Ông Thái Minh Th1 được quyền sở hữu các cây Bạch Đàn thuộc thửa 670 khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

Ông Thái Minh Th1 được tiếp tục quản lý sở hữu căn nhà và đất có diện tích 206,9m² loại đất ODT và CLN (tại thửa 682¹). Bà Thái Thị T1 được tiếp tục quản lý và sở hữu 305,3m² loại đất ODT và CLN (tại thửa 682) cùng tọa lạc tại khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

Giao cho bà Thái Thị T1 quản lý khu mộ xây dựng nằm trên thửa 683 có diện tích 522m². Ôn định cho bà T1 tiếp tục quản lý sở hữu diện tích đất 286,3m² (tại thửa 683) khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo các Trích đo số 13/TTKTTNMT ngày 25/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Thành phố Cần Thơ, Trích đo số 46/ĐVTC; Trích đo số 47/ĐVTC; Trích đo số 49/ĐVTC cùng ngày 07/4/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận TN).

Riêng đối với các tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên, ai được quyền sử dụng đất thì tiếp tục được sử dụng các tài sản gắn liền với đất.

Sau khi đã thực hiện nghĩa vụ đóng các khoản tiền việc chia thừa kế cho các đồng thừa kế xong, các đương sự được quyền liên hệ cơ quan chức năng để kê khai đăng ký và chuyển tên tách thửa quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc thẩm định tài sản tranh chấp, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/4/2019, nguyên đơn bà Thái Thị T1 có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần đất có căn nhà là của bà T1, không phải di sản thừa kế, vì cha mẹ đã tặng cho trước khi chết; giảm phần tiền mà bà T1 phải hoàn lại cho các đồng thừa kế vì giá quá cao so với giá đất theo thị trường tại quận TN, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 18/4/2019, bị đơn ông Thái Văn S có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của bà Thái Thị T1 và ông Thái Văn K; buộc bà T1 trả tiền công bồi đắp nền nhà cho ông S là 31.250.000 đồng.

Ngày 18/4/2019, bị đơn ông Thái Minh Th1 có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của bà Thái Thị T1 và ông Thái Văn K.

Ngày 28/5/2019, bị đơn ông Thái Minh Th1 có Đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh lại hộ khẩu năm 1999 của hộ cụ Lê Thị M; yêu cầu thẩm định lại giá đất và yêu cầu được nhận tiền, không nhận đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Thái Thị T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo cho rằng, năm 1978 cụ M đã cho bà T1 01 nền nhà, diện tích ngang 8,8m, dài 32m, tại thửa đất 683 và bà đã sử dụng cho đến nay, nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất nền nhà này không phải là di sản thừa kế của cụ H5 và cụ M.

Bị đơn ông Thái Minh Th1 vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của bà Thái Thị T1 và ông Thái Văn K. Trong trường hợp phải chia thừa kế thì yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh hộ khẩu năm 1999 của hộ cụ Lê Thị M gồm những ai để xác định chính xác di sản thừa kế của cụ H5 và cụ M. Ông Th1 không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả tiền cho các đương sự khác để được quyền sở hữu, sử dụng những suất thừa kế quyền sử dụng đất của họ được hưởng vì ông không có tiền để thực hiện. Ông Th1 yêu cầu thẩm định lại giá đất tranh chấp trong vụ án và yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Thái Văn S (do ông S chết ngày 16/4/2021) có ông Thái Minh Th (là con ông S) tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo của ông S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu chia thừa kế của bà Thái Thị T1 và ông Thái Văn K; buộc bà T1 trả 31.250.000 đồng tiền công bồi đắp nền nhà cho ông S (những người thừa kế của ông S).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị T1 trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ H5 và cụ M bao gồm cả diện tích đất ngang 8,8m, dài 32m, mà bà Thái Thị T1 đang quản lý sử dụng thuộc thửa đất 683 tọa lạc tại khu vực TQ, phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ, là không có cơ sở. Vì diện tích đất này là nền nhà cụ M đã cho bà T1 từ năm 1978 và đã được bà T1 quản lý, sử dụng hợp pháp cho đến nay. Bị đơn ông Thái Văn S yêu cầu bà T1 trả số tiền 31.250.000 đồng công bồi đắp nền nhà là không có cơ sở vì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 phải trả tiền cho các đương sự khác để được quyền sở hữu, sử dụng những suất thừa kế quyền sử dụng đất của họ được hưởng với số tiền nhiều hơn so với giá thị trường đã gây bất lợi cho bà T1. Trong trường hợp Tòa án định giá hoặc thẩm định lại giá trị di sản thừa kế quyền sử dụng đất thì bà T1 yêu cầu chia thừa kế cho các đồng thừa kế đều bằng hiện vật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Thái Minh Th1 trình bày:

Trước khi chết, cụ H5 và cụ M đã chia hết tài sản là quyền sử dụng các thửa đất cho các con khi ra ở riêng và họ đã hợp thức hóa sang tên xong. Riêng ông Thái Văn B1 (cha của Th1) là con út nên được chia phần đất sau cùng trên có căn nhà để nuôi dưỡng cụ H5, cụ M và thờ phụng tổ tiên, việc này ai trong gia đình cũng biết, nên việc ông B1 hợp thức hóa sang tên nhà đất này chỉ là thủ tục. Sau khi cụ H5 và cụ M chết, ông K và bà T1 thấy ông B1 vẫn chưa hợp thức hóa sang tên nhà đất đã được cha mẹ cho nên họ đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nhà đất này là di sản thừa kế của cụ H5 và cụ M là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, không đúng quy định pháp luật.

Mặt khác, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện TN cấp ngày 21/5/1999 cho hộ cụ Lê Thị M được quyền sử dụng đối với thửa đất ruộng có diện tích 5.530m², chứ không phải cấp cho cá nhân cụ M. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Th1 đã yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ xác minh hộ cụ M tại thời điểm đó có bao nhiêu thành viên, cụ thể gồm những ai để xác định kỷ phần của từng thành viên trong hộ, khi đã xác định được phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ M thì mới đem chia thừa kế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này của ông Th1, xác định toàn bộ diện tích đất ruộng mà UBND huyện TN đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/5/1999 cho hộ cụ Lê Thị M nêu trên là di sản thừa kế của cụ M và cụ H5, là

chưa đủ căn cứ. Vì vậy, ông Th1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ xác minh hộ khẩu năm 1999 của hộ cụ Lê Thị M gồm những ai để xác định chính xác di sản thừa kế của cụ H5 và cụ M là có cơ sở.

Ông Th1 kháng cáo yêu cầu Tòa án thẩm định lại giá đất tranh chấp trong vụ án và yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật cũng là có cơ sở. Vì ông Th1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả tiền cho các đương sự khác để được quyền sử dụng những suất thừa kế quyền sử dụng đất của họ được hưởng đã gây bất lợi cho ông Th1, không khả thi và không đúng với quy định của pháp luật về chia thừa kế bằng hiện vật.

Với các lý do kháng cáo nêu trên thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của ông Thái Minh Th1 là có cơ sở, nhưng có những yêu cầu thuộc về xác minh, thu thập chứng cứ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của các đương sự:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TN cấp ngày 21/5/1999 đối với thửa đất ruộng có diện tích 5.530m² là cấp cho hộ cụ Lê Thị M, chứ không phải cấp cho cá nhân cụ M. Vì vậy, Tòa án cần phải thu thập chứng cứ xác minh hộ cụ M tại thời điểm đó gồm có những ai thì mới đủ cơ sở để xác định phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ M trong đó là di sản thừa kế của cụ M và cụ H5.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã 05 (năm) lần phải hoãn phiên tòa để người kháng cáo nguyên đơn bà Thái Thị T1, bị đơn ông Thái Minh Th1 và các đương sự tiến hành các thủ tục để xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự đã chết. Vì vậy, bị đơn ông Thái Minh Th1 kháng cáo yêu cầu Tòa án thẩm định lại giá đất tranh chấp trong vụ án là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Thái Thị T1 cũng cho rằng, trong trường hợp Tòa án định giá hoặc thẩm định lại giá trị di sản thừa kế quyền sử dụng đất thì bà T1 cũng yêu cầu chia thừa kế cho các đồng thừa kế đều bằng hiện vật. Trong khi đó, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cho đến hiện nay vẫn chưa đủ cơ sở để xác định đúng, đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng đã chết. Qua đó nhận thấy, vụ án còn có những vấn đề, nội dung cần phải được xác minh, thu thập chứng cứ bổ sung nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị T1, bị đơn ông Thái Văn S, bị đơn ông Thái Minh Th1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Thái Văn K đã chết ngày 17/6/2020 (Trích lục khai tử số 42/TLKT ngày 18/6/2020 của UBND phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P2 chết ngày 22/7/2020 (Trích lục khai tử số 398/TLKT-BS ngày 30/7/2020 của UBND xã TK, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh); bị đơn ông Thái Văn S chết ngày 16/4/2021 (Trích lục khai tử số 100/TLKT-BS ngày 19/4/2021 của UBND phường TH, quận TN, Thành phố Cần Thơ).

[3] Đây là những sự kiện pháp lý mới phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm đã 05 (năm) lần phải hoãn phiên tòa, ban hành các Thông báo số 682/2021/TB-PT và số 682/2021/TB-PT ngày 17/6/2021 yêu cầu người kháng cáo nguyên đơn bà Thái Thị T1, bị đơn ông Thái Minh Th1 và các đương sự tiến hành các thủ tục để xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự đã chết nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đến nay, các đương sự đã cung cấp danh sách những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của nguyên đơn ông Thái Văn K, bị đơn ông Thái Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P2. Trong danh sách những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất do các đương sự cung cấp thì ông K có 02 người con là Thái Thị P đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc và Thái Thị L đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), nhưng không có tài liệu, giấy tờ kèm theo; ông S có 02 người con là Thái Thị P1 và Thái Thị Cẩm L đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không ghi địa chỉ cụ thể và cũng không có tài liệu, giấy tờ kèm theo. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy chưa đủ cơ sở để xác định đúng, đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Thái Văn K, bị đơn ông Thái Văn S.

[5] Di sản thừa kế tranh chấp trong vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2016 nên đến nay bị đơn ông Thái Minh Th1 yêu cầu thẩm định, định giá lại di sản thừa kế tranh chấp trong vụ án là có cơ sở. Tuy nhiên, để việc định giá, thẩm định giá tài sản theo đúng quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự cần phải xác định đúng và đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, ông S và bà P2.

[6] Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần phải xác minh, thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ xác định đúng, đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Thái Văn K và bị đơn ông Thái Văn S, để vụ án được giải quyết đúng theo quy định pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tuy nhiên, việc xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ bổ sung như trên không thể thực hiện được tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Thái Minh Th1 và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[7] Việc hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[8] Những đề nghị hoặc/yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị T1, cùng ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1 trình bày tại phiên tòa phúc thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết trong quá trình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Hủy bản án sơ thẩm số: 05/2019/DSST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Hoàn trả lại cho bà Thái Thị T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (ông Trịnh Hữu B nộp thay) theo Biên lai thu số: 001051 ngày 26/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

+ Hoàn trả lại cho những người thừa kế của ông Thái Văn S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Thái Văn S đã nộp theo Biên lai thu số: 001081 ngày 27/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

+ Hoàn trả lại cho ông Thái Minh Th1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 001074 ngày 23/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS Thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu (Ấn - TrúC).

Đỗ Đình Thanh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Đinh Ngọc Thu Hương

Đỗ Đình Thanh